

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/DS-ST

Ngày: 31 – 3 - 2026

V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền - Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐST – DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Minh V, sinh năm: 1976; địa chỉ: 2 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh V: Bà Đào Hồng V1, sinh năm 1966; địa chỉ: 8 ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúng X, sinh năm: 1968, cùng địa chỉ: 1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; địa chỉ: 1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Minh V – bà Đào Hồng V1 trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trúng X có nợ ông V số tiền mua bán thức ăn là 342.362.000 đồng. Đến năm 2023, ông H và bà X có trả cho ông V số tiền 200.000.000 đồng, ông V có bớt cho ông H bà X 42.362.000 đồng nên

số tiền ông H, bà X còn nợ lại ông V là 100.000.000 đồng. Ngày 15/7/2024 bà X có ký tên xác nhận vào văn bản có tiêu đề “Biên nhận nợ” lập ngày 15/7/2024, thừa nhận bà X và ông H còn nợ số tiền 100.000.000 đồng và có cam kết sẽ trả số tiền trên cho ông V làm 4 kỳ, mỗi kỳ là 25.000.000 đồng. Cụ thể như sau: kỳ I - vào ngày 15/01/2025 trả 25.000.000 đồng; kỳ II - vào ngày 15/7/2025 trả 25.000.000 đồng; kỳ III - vào ngày 15/01/2026 trả 25.000.000 đồng; kỳ IV - vào ngày 15/7/2026 trả 25.000.000 đồng. Ngoài ra, theo nội dung biên nhận nợ nêu trên bà X có cam kết nếu kỳ trả lần thứ nhất mà bà X, ông H không thực hiện trả cho ông V số tiền 25.000.000 đồng thì ông V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc vợ chồng bà X, ông H trả một lần hết số tiền 100.000.000 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả cho ông V.

Tuy nhiên đến kỳ trả thứ nhất và đến kỳ trả thứ hai thì ông H, bà X cũng không thực hiện việc trả nợ cho ông V. Ông H và bà X là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hiện nay vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Mặt khác bà X cũng thừa nhận đây là nợ chung của 02 vợ chồng mặc dù ông H không có ký tên vào biên nhận nợ.

Vì vậy nay ông V yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúng X1 và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Đồng thời ông V yêu cầu bà X và ông H phải liên đới trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/01/2025 cho đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2026) với mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: $100.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 12.035.000 \text{ đồng}$. Số nợ gốc và lãi ông V yêu cầu bà X và ông H có nghĩa vụ liên đới trả là 112.035.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà V1 không đồng ý yêu cầu xin kéo dài thời hạn trả số tiền 100.000.000 đồng vào năm 2028 và xin miễn trả tiền lãi của bà X. Vì trước đây ông V đã tạo điều kiện cho bà X, ông H trả dần số nợ mua thức ăn chia làm 04 kỳ, cũng đã có bớt cho bà X một khoản tiền nhưng bà X, ông H đã không thực hiện đúng cam kết nên nay ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo nội dung bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Trúng X trình bày:

Bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn H còn nợ ông V số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 100.000.000 đồng và bà có ký tên xác nhận vào biên nhận nợ ngày 15/7/2024. Vì gặp khó khăn về khó khăn về kinh tế nuôi tôm thua lỗ nên vợ chồng

bà không trả đúng hạn như đã cam kết trong biên nhận nợ ngày 15/7/2024 mà ông V có cung cấp cho Tòa án. Số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là tiền mua thức ăn nuôi tôm để phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng còn nợ ông V, chứ bà và ông H không có vay tiền của ông V.

Tại phiên tòa, bà đề nghị cho vợ chồng bà kéo dài thời hạn trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông V vào năm 2028 và xin được miễn trả tiền lãi vì đang gặp khó khăn về kinh tế, còn phải trả nợ cho nhiều người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Trúng X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Nguyễn Văn H trả tiền mua thức ăn nuôi tôm nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúng X cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[3] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Phạm Minh V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Trúng X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ gồm nợ gốc và lãi tổng cộng là 112.035.000 đồng.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn ông V yêu cầu bà X và ông H có nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 100.00.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo cam kết đã được ghi nhận trong nội dung Biên nhận nợ ngày 15/7/2024 và yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán là 12.035.000 đồng. Bị đơn bà X thừa nhận do bà và ông H gặp khó khăn về kinh tế nên không trả nợ đúng cam kết như thể hiện của Biên nhận nợ

ngày 15/7/2024. Do đó, xem đây là tình tiết mà ông V không phải chứng minh về việc xác định nghĩa vụ trả tiền của bà X theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng Dân sự và cần buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán cho ông V số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán tổng cộng 112.035.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Văn H: xét thấy vợ chồng bà X, ông H hiện vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà X thừa nhận việc mua thức ăn nuôi tôm để phát triển kinh tế chung của vợ chồng, thu lợi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặt khác ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông H vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa. Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà X trả cho ông V số tiền 112.035.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét thấy, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông V và yêu cầu xin kéo dài thời gian trả nợ vào năm 2028 của bà X không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này như trình bày của bà X tại phiên tòa.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Trúng X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị Trúng X và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới

trả cho ông Phạm Minh V số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 112.035.000 đồng, gồm: 100.000.000 đồng nợ gốc và 12.035.000 đồng tiền lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Trúng X và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới chịu 5.601.750 đồng.

Ông Phạm Minh V được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.666.000 đồng theo biên lai thu số 0006593 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Cẩm Nhung

